

Bản án số: 31/2020/ HS-ST

Ngày: 23/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Trần Đình Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Quốc C, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1972 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, trình độ văn hoá: lớp 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Hữu P và bà Lê Thị H (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị M và 03 con, lớn nhất 18 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1954. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

Anh Nguyễn Sỹ K, sinh năm: 1954. Địa chỉ: xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

Những người làm chứng:

Anh Lê Văn T, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Lê Văn T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Anh Lê Văn C, sinh năm: 1976. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Anh Nguyễn Quốc M, sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

Anh Lê Xuân T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

Anh Chu Ngọc C, sinh năm Địa chỉ: thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28/4/2020, Lê Quốc C đi chăn trâu thì nhìn thấy 01 con trâu đang ăn cỏ, giống cái, lông màu đen xám của bà Lê Thị B đang buộc dây ăn cỏ. Quan sát xung quanh không có ai nên C đã nảy sinh ý định bắt trộm con trâu. C dắt con trâu buộc ở gốc cây phía sau nhà hàng L, thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, sau đó về nhà của mình. Khoảng 14 giờ ngày 28/4/2020, Lê Quốc C gọi điện cho anh Lê Xuân T để liên hệ bán trâu cho anh T. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/4/2020, anh Trường gọi điện cho C hỏi đã bán trâu chưa, C trả lời “chưa bán, vô coi tau để cho”. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày anh T tới xem trâu và hai bên thống nhất giá con trâu là 20.500.000 đồng. Sau khi mua trâu được anh T gọi điện cho anh Chu Ngọc C điều khiển xe mô tô kéo theo một chiếc xe bò đến chở trâu. Anh C dắt con trâu lên xe bò để chở ra Hà Tĩnh, còn mình thì về nhà ngủ. Đến ngày 03/5/2020, anh T bán lại con trâu nói trên cho anh Nguyễn Văn H với giá 23.000.000 đồng. Cùng ngày, anh H đã đổi con trâu này để lấy con trâu cái của nhà ông Nguyễn Sỹ K và phụ cho ông Khoa số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 10/5/2020, anh Lê Văn T nói với anh Lê Văn T (em trai bà Lê Thị Bê) là có nhìn thấy một con trâu đặc điểm giống với con trâu của bà Bê tại nhà anh Lê Xuân T ở Hà Tĩnh. Sau khi biết được tin này, Lê Văn T cùng với Lê Văn C (con trai bà Bê) đến nhà anh Lê Xuân T để xem trâu thì biết được con trâu đã bán qua nhiều chủ và hiện đang ở nhà ông Nguyễn Sỹ K. Khoảng 10 giờ ngày 10/5/2020, anh Trường, anh H dẫn anh C và anh T đến nhà ông K để xem trâu và xác định con trâu mà ông K đang nuôi chính là con trâu của bà B bị mất trộm ngày 28/4/2020. Biết được người bán con trâu cho anh T là Lê Quốc C nên anh C đã gọi cho Lê Quốc C yêu cầu chuộc trâu về.

Khoảng 11 giờ cùng ngày Lê Quốc C đã trả cho ông K số tiền 28.000.000 đồng để mua lại con trâu, sau đó chở trâu về giao lại cho bà Lê Thị B.

Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐ ngày 14/5/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận giá trị của 01 con trâu, giống cái, lông màu đen xám, 02 năm 9 tháng tuổi, trọng lượng 280 kg là 26.000.000 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo C đã bồi thường chi phí thuê xe đi Kỳ Anh, Hà Tĩnh chở trâu về với số tiền 2.100.000 đồng. Bà B đã nhận được tài sản là con trâu bị mất trộm, tại phiên tòa bà B và bị cáo C thỏa thuận bị cáo C bồi thường thêm chi phí đi tìm trâu cho bà B số tiền 3.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ, xác minh và trả lại:

- Thu giữ và trả lại 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Oppo A37 màu đen đã qua sử dụng cho bị cáo Lê Quốc C

- Thu giữ 01 dây thừng dùng để buộc trâu dài 80cm, làm bằng nhiều sợi dây nhựa bện lại với nhau hình xoắn, đường kính 01cm, ở giữa có nhiều nút và có gắn 01 đoạn dây nhựa dẻo đường kính 0.2cm, dài 120cm, có nút buộc ở giữa.

- Đối với vật chứng là 02 cục đá mà bị can Lê Quốc C đã nhặt ở ruộng và sử dụng để chặn đứt dây thừng buộc trâu của bà Bê, sau khi sử dụng bị cáo đã ném 02 cục đá xuống hố sâu gần đó, Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Đối với anh Lê Xuân T (người mua trâu của Lê Quốc C), anh Chu Ngọc C (người được thuê chở trâu ra Hà Tĩnh), anh Nguyễn Văn H (người mua lại trâu của anh Trường), ông Nguyễn Sỹ K (người đổi trâu với anh H), trong quá trình giao dịch, mua bán, vận chuyển con trâu không biết được đó là tài sản do phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra, truy tố đã tích cực hợp tác trong việc truy tìm, trao trả lại tài sản bị trộm cắp cho bị hại. Vì vậy, hành vi của Lê Xuân T, Chu Ngọc C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Sỹ K không cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý.

Việc đổi trâu và phụ thêm tiền giữa anh Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Sỹ K là tự nguyện, cho đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm các bên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bản Cáo trạng số 36/CT-VKSQT ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố bị cáo Lê Quốc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử

phạt bị cáo Lê Quốc C từ 9-12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: ghi nhận việc bị cáo C thỏa thuận bồi thường chi phí đi tìm trâu cho bà Bê số tiền 3.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tiêu hủy 01 dây thừng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Trạch, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc C khai nhận: khoảng 12 giờ ngày 28/4/2020, bị cáo đã bắt trộm một con trâu của bà Lê Thị B có giá trị 26.000.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Quốc C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã có gia đình, lẽ ra phải chịu khó lao động, làm ăn lương thiện để tạo kinh tế cho gia đình nhưng do coi thường pháp luật nên đã dẫn đến hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, phải bị xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật cho bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhận thức được việc làm sai trái của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục bồi thường một phần chi phí cho bị hại và tại phiên tòa bị hại đã có ý kiến xin giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bố bị cáo là ông Lê Hữu P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo mới phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải đi chấp hành hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà B và bị cáo C phải bồi thường tiếp cho bà B chi phí tìm trâu số tiền 3.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Oppo A37 màu đen, số Imeil 1: 866346030688055, số Imeil 2: 8663460306688048, trên thân vỏ máy có nhiều vết xước, máy cũ đã qua sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 dây thừng dùng để buộc trâu là công cụ phạm tội, đã không còn giá trị sử dụng áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Quốc C phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quốc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc C 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2020).

Giao bị cáo Lê Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo Lê Quốc C phải bồi thường cho bà Lê Thị Bê chi phí tìm trâu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 dây thừng có đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 15/7/2020.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Quốc C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2020) đối với người có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

